



CỤC CHẤT LƯỢNG, CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG  
TRUNG TÂM CHẤT LƯỢNG, CHẾ BIẾN  
VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VÙNG 2

## THỦ TỤC

**ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ, HỦY BỎ  
CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ LĨNH VỰC  
TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG TRỌT**

Mã hiệu : TT.39  
Lần ban hành : 05  
Ngày ban hành : 02/05/2024

	Biên soạn	Xem xét	Phê duyệt
Họ và tên	Võ Văn Vĩ	Trần Thị Bảo Ngọc	Phan Huy
Chức vụ	Chuyên gia đánh giá trưởng	Phó Giám đốc/ QMR	Quyền Giám đốc
Chữ ký			
Ngày	15/04/2024	02/05/2024	02/05/2024

PHÂN PHỐI TÀI LIỆU			
<input checked="" type="checkbox"/>	1. Giám đốc	<input checked="" type="checkbox"/>	6. Phòng Chất lượng, An toàn TP
<input checked="" type="checkbox"/>	2. Phó Giám đốc	<input type="checkbox"/>	7. Phòng Kiểm nghiệm Sinh học
<input checked="" type="checkbox"/>	3. QMR	<input type="checkbox"/>	8. Phòng Kiểm nghiệm Hóa học
<input checked="" type="checkbox"/>	4. Phòng Hành chính, Tổng hợp	<input checked="" type="checkbox"/>	9. Thư viện điện tử
<input checked="" type="checkbox"/>	5. Phòng Chế biến và Phát triển TT		

### TRANG GHI CHÉP NHỮNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Stt	Ngày sửa	Trang sửa	Nội dung sửa đổi
01	06/09/2017	Toàn bộ	Ban hành lần 01 Thủ tục TT.39 Thủ tục đánh giá, cấp, duy trì, mở rộng, đình chỉ, hủy bỏ chứng nhận sản xuất, chế biến, ghi nhãn và tiếp thị thực phẩm được sản xuất theo phương pháp hữu cơ phù hợp TCVN 11041:2015 (CAC/GL 32-1999, Revised 2007)
02	16/03/2018	Toàn bộ	Thay thế hoàn toàn Thủ tục mã hiệu TT.39 ban hành lần 01 ngày 06/09/2017 bằng Thủ tục Đánh giá cấp, duy trì, mở rộng, đình chỉ, hủy bỏ chứng nhận sản xuất theo phương pháp hữu cơ và VietGAP trồng trọt, mã hiệu TT.39.
03	25/08/2020	Toàn bộ	Thay thế hoàn toàn Thủ tục mã hiệu TT.39 ban hành lần 02 ngày 16/03/2018 bằng Thủ tục đánh giá cấp, duy trì, mở rộng, đình chỉ, hủy bỏ chứng nhận sản xuất hữu cơ lĩnh vực trồng trọt và VietGAP trồng trọt mã hiệu TT.39, ban hành lần 03.
04	16/09/2020	8	<i>Mục 6.2.4.1: bổ sung nội dung “Riêng đối với đất nguyên sơ (không phải.... bỏ quan giai đoạn chuyển đổi” vào cuối đoạn gạch đầu dòng thứ 6</i>
		BM.TT.39.06/c	Bổ sung nội dung về sơ chế, chế biến, bao gói, ghi nhãn bảo quản và vận chuyển vào biểu mẫu
05	01/10/2020	19	Sửa nội dung đoạn gạch đầu dòng thứ nhất tại mục 6.2.4.2.9.d
06	14/09/2022	6	Viết lại nội dung gạch đầu dòng thứ 2 và thứ 3, mục 6.2.3
		BM.TT.27.03	Hủy bỏ biểu mẫu BM.TT.27.03 ra khỏi thủ tục
07	24/07/2023	Toàn bộ	Thay thế hoàn toàn Thủ tục đánh giá cấp, duy trì, mở rộng, đình chỉ, hủy bỏ chứng nhận sản xuất hữu cơ lĩnh vực trồng trọt và VietGAP trồng trọt mã hiệu TT.39 ban hành lần 03 ngày 25/08/2020 bằng Thủ tục TT.39, ban hành lần 04
08	01/11/2023	5	Mục 6.2.2.2, bổ sung câu: “Cơ sở phải được cấp Giấy chứng nhận “đang trong





THỦ TỤC  
ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ,  
HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ  
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG  
TRỌT

Mã hiệu: TT.39

Lần ban hành: 05

Ngày ban hành: 02/05/2024

Trang: 1/29

## 1. MỤC ĐÍCH

Quy định này đưa ra các yêu cầu thủ tục, trình tự các bước thực hiện cho hoạt động đánh giá, cấp, duy trì, mở rộng, đình chỉ, hủy bỏ chứng nhận đối với quá trình sản xuất, sơ chế theo thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) phù hợp tiêu chuẩn TCVN 11892-1:2017; quá trình sản xuất, chế biến, ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ trồng trọt phù hợp theo tiêu chuẩn TCVN 11041-1:2017, TCVN 11041-2:2017, TCVN 11041-5:2018, TCVN 11041-6:2018, TCVN 11041-11:2023, TCVN 11041-12:2023, TCVN 11041-13:2023.

## 2. PHẠM VI ÁP DỤNG

2.1. Quy định này áp dụng toàn bộ hoạt động đánh giá, chứng nhận đối với quá trình sản xuất, sơ chế sản phẩm trồng trọt dùng làm thực phẩm theo thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) phù hợp tiêu chuẩn TCVN 11892-1:2017.

Phương thức đánh giá sự phù hợp: theo Phương thức 3 và Phương thức 6 của Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012.

2.2. Quy định này cũng áp dụng cho toàn bộ hoạt động đánh giá, chứng nhận đối với quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến, bao gói, ghi nhãn, bảo quản và vận chuyển các sản phẩm trồng trọt hữu cơ phù hợp theo tiêu chuẩn TCVN 11041-1:2017, TCVN 11041-2:2017, TCVN 11041-5:2018, TCVN 11041-6:2018, TCVN 11041-11:2023, TCVN 11041-12:2023, TCVN 11041-13:2023.

Phương thức đánh giá sự phù hợp: theo quy định tại điểm 1, Điều 8, chương II Nghị định số 109/2018/NĐ-CP và khoản 1, Điều 5, chương II Thông tư số 16/2019/TT-BNNPTNT thì áp dụng theo Phương thức 5 của Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 và TCVN 12134:2017.

## 3. VĂN BẢN PHÁP LÝ VÀ TÀI LIỆU VIỆN DẪN

3.1. Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006.

3.2. Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21/11/2007.

3.3. Luật an toàn thực phẩm được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2010.

3.4. Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.



THỦ TỤC  
ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ,  
HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ  
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG  
TRỌT

Mã hiệu: TT.39

Lần ban hành: 05

Ngày ban hành: 02/05/2024

Trang: 2/29

- 3.5. Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định kiểm tra chuyên ngành.
- 3.6. Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.
- 3.7. Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
- 3.8. Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
- 3.9. Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.
- 3.10. Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.
- 3.11. Nghị định 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ.
- 3.12. Thông tư 16/2019/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2019 quy định chi tiết một số điều của Nghị định 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ.
- 3.13. Thông tư 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học & Công nghệ ban hành Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
- 3.14. Thông tư 14/2017/TT-BKHHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 28/2012/TT-BKHHCN, ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
- 3.15. STCL: Sổ tay chất lượng.



THỦ TỤC  
ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ,  
HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ  
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG  
TRỌT

Mã hiệu: TT.39

Lần ban hành: 05

Ngày ban hành: 02/05/2024

Trang: 3/29

- 3.16. TCVN 12134:2017, Nông nghiệp hữu cơ - Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận.
- 3.17. TCVN 11041-1:2017, Nông nghiệp hữu cơ - Phần 1: Yêu cầu chung đối với sản xuất, chế biến, ghi nhãn sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.
- 3.18. TCVN 11041-2:2017, Nông nghiệp hữu cơ - Phần 2: Trồng trọt hữu cơ.
- 3.19. TCVN 11041-5:2018, Nông nghiệp hữu cơ - Phần 5: Gạo hữu cơ.
- 3.20. TCVN 11041-6:2018, Nông nghiệp hữu cơ - Phần 6: Chè hữu cơ.
- 3.21. TCVN 11041-11:2023, Nông nghiệp hữu cơ - Phần 11: Nấm hữu cơ.
- 3.22. TCVN 11041-12:2023, Nông nghiệp hữu cơ - Phần 12: Rau mầm hữu cơ.
- 3.23. TCVN 11041-13:2023, Nông nghiệp hữu cơ - Phần 13: Trồng trọt hữu cơ trong nhà màng và trong thùng chứa.
- 3.24. TCVN 11892-1:2017, Thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) Phần 1: Trồng trọt.
- 3.25. TCVN ISO/IEC 17065:2013, Đánh giá sự phù hợp - Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình và dịch vụ.
- 3.26. TCVN ISO/IEC 17067-1:2015, Đánh giá sự phù hợp - Nguyên tắc cơ bản trong chứng nhận sản phẩm và hướng dẫn về chương trình chứng nhận sản phẩm.
- 3.27. ISO/IEC 17021-1, Đánh giá sự phù hợp - Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý.
- 3.28. ISO/IEC TS 17021-3, Đánh giá sự phù hợp - Yêu cầu về năng lực cho việc đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng.

#### **4. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC TỪ VIẾT TẮT**

- 4.1. TTCL2: Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 2
- 4.2. CBPTT: Chế biến và Phát triển thị trường
- 4.3. HC-TH: Hành chính, Tổng hợp
- 4.4. KH: Khách hàng
- 4.5. Tổ chức được đánh giá: Tổ chức đã đăng ký chứng nhận với TTCL2 và đang trong quá trình đánh giá
- 4.6. Tổ chức đăng ký chứng nhận: Tổ chức có nhu cầu đăng ký chứng nhận với TTCL2 và đã đăng ký chứng nhận nhưng chưa được đánh giá.



THỦ TỤC  
ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ,  
HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ  
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG  
TRỌT

Mã hiệu: TT.39


Lần ban hành: 05

Ngày ban hành: 02/05/2024

Trang: 4/29

- 4.7. Tổ chức được chứng nhận: Tổ chức đã được TTCL2 chứng nhận
- 4.8. Thực hành nông nghiệp tốt trong trồng trọt: gồm những yêu cầu sản xuất, sơ chế sản phẩm trồng trọt để: bảo đảm an toàn thực phẩm; chất lượng sản phẩm; sức khỏe và an toàn lao động đối với người sản xuất; bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm.
- 4.9. Nông nghiệp hữu cơ: là hệ thống sản xuất bảo vệ tài nguyên đất, hệ sinh thái và sức khỏe con người, dựa vào các chu trình sinh thái, đa dạng sinh học thích ứng với điều kiện tự nhiên, không sử dụng các yếu tố gây tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái; là sự kết hợp kỹ thuật truyền thống và tiến bộ khoa học để làm lợi cho môi trường chung, tạo mối quan hệ công bằng và cuộc sống cân bằng cho mọi đối tượng trong hệ sinh thái.
- 4.10. Sản xuất nông nghiệp hữu cơ (gọi tắt là sản xuất hữu cơ): là hệ thống quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến, bao gói, vận chuyển, bảo quản phù hợp với tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ.
- 4.11. Sản phẩm nông nghiệp hữu cơ (gọi tắt là sản phẩm hữu cơ): là thực phẩm, dược liệu (bao gồm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền), mỹ phẩm và sản phẩm khác hoặc giống cây trồng, vật nuôi; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản được sản xuất, chứng nhận và ghi nhãn phù hợp với các tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ.
- 4.12. Sinh vật biến đổi gen (GMO): các sinh vật biến đổi gen và các sản phẩm từ sinh vật biến đổi gen được sản xuất bằng kỹ thuật trong đó vật liệu gen đã được biến đổi theo cách không xảy ra một cách tự nhiên bằng giao phối và/hoặc tái tổ hợp.
- 4.13. Sản xuất riêng rẽ: việc sản xuất tại cơ sở trong đó chỉ một phần cơ sở thực hiện sản xuất hữu cơ, phần còn lại có thể là sản xuất không hữu cơ (sản xuất thông thường) hoặc đang trong quá trình chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ.
- 4.14. Sản xuất song song: việc sản xuất cùng một loại sản phẩm tại cùng một cơ sở mà không phân biệt được bằng trực quan giữa sản phẩm hữu cơ và sản phẩm không hữu cơ.
- 4.15. Giai đoạn chuyển đổi: thời gian từ lúc bắt đầu áp dụng sản xuất hữu cơ đến khi sản phẩm được chứng nhận là sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.
- 4.16. Lấy mẫu thăm tra/ điển hình: là hoạt động lấy mẫu kiểm tra, thử nghiệm để đánh giá hiệu quả kiểm soát điều kiện, quá trình sản xuất.

## 5. TRÁCH NHIỆM

	THỦ TỤC	Mã hiệu: TT.39
	ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ, HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG TRỌT	Lần ban hành: 05
		Ngày ban hành: 02/05/2024
		Trang: 5/29

Các nhân sự liên quan đến quá trình hoạt động đánh giá chứng nhận được phân công chịu trách nhiệm đảm bảo tuân thủ và áp dụng một cách đầy đủ các quy định trong thủ tục này.

## 6. NỘI DUNG

### 6.1. Quy trình thực hiện

Việc thực hiện đăng ký, đánh giá, cấp, duy trì, mở rộng, thu hẹp phạm vi, gia hạn, cảnh báo, đình chỉ, hủy bỏ chứng nhận VietGAP trồng trọt và sản xuất hữu cơ được thực hiện theo lưu đồ hướng dẫn tại Phụ lục PL.TT.39.01.

### 6.2. Quy định chung

#### 6.2.1. VietGAP trồng trọt:

6.2.1.1. Nội dung và trình tự thực hiện các hoạt động đánh giá chứng nhận VietGAP trồng trọt phải tuân thủ quy định đánh giá theo phương thức 3 “Thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất” hoặc phương thức 6 “Đánh giá và giám sát hệ thống quản lý” của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012.

6.2.2.2. TTCL2 chỉ thực hiện đánh giá 01 giai đoạn, thực hiện đánh giá 02 giai đoạn khi có yêu cầu từ KH.

#### 6.2.2. Sản xuất hữu cơ:

6.2.2.1. Nội dung và trình tự thực hiện các hoạt động đánh giá chứng nhận sản xuất hữu cơ phải tuân thủ quy định đánh giá theo phương thức 5 “Thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất” của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012.

6.2.2.2. Tất cả các cuộc đánh giá chứng nhận lần đầu một quá trình sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp hữu cơ được thực hiện theo 02 giai đoạn gồm: giai đoạn chứng nhận chuyển đổi và giai đoạn chứng nhận hữu cơ. **Cơ sở phải được cấp Giấy chứng nhận “đang trong quá trình chuyển đổi hữu cơ” thì mới tiến hành đánh giá giai đoạn chứng nhận hữu cơ.**

a/ **Mục tiêu đánh giá giai đoạn chứng nhận chuyển đổi:** xác định thời điểm hoàn thành giai đoạn chuyển đổi bằng việc có được sự thông hiểu về quá trình sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp hữu cơ của KH, làm cơ sở cho giai đoạn chứng nhận hữu cơ.





THỦ TỤC  
ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ,  
HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ  
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG  
TRỌT

Mã hiệu: TT.39

Lần ban hành: 05

Ngày ban hành: 02/05/2024

Trang: 6/29

b/ **Mục tiêu đánh giá giai đoạn chứng nhận hữu cơ:** đánh giá hiệu lực áp dụng tiêu chuẩn vào quá trình sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp hữu cơ của KH.

6.2.2.3. Ngoài ra, TTCL2 cũng đánh giá, cấp chứng nhận “Đang trong quá trình chuyển đổi” đối với sản phẩm sản xuất theo hữu cơ trong cuộc đánh giá chuyển đổi khi có yêu cầu từ KH.

6.2.2.4. Hoạt động đánh giá tại hiện trường được tiến hành ở 100% địa điểm sản xuất.

6.2.2.5. Trường hợp một địa điểm sản xuất của cơ sở sản xuất có nhiều thành viên không được kiểm soát bởi một hệ thống quy trình chung thì hoạt động đánh giá phải được tiến hành đối với tất cả các thành viên trong địa điểm đó.

6.2.2.6. Trường hợp một địa điểm sản xuất cơ sở sản xuất có nhiều thành viên được kiểm soát bởi một hệ thống quy trình chung thì số lượng thành viên đánh giá là căn bậc hai theo nguyên tắc làm tròn lên của tổng số thành viên trong địa điểm đó.

### **6.3. Mô tả lưu đồ:**

#### **6.3.1. Đăng ký chứng nhận**

6.3.1.1. Mọi tổ chức, cá nhân (sau đây gọi tắt là khách hàng) có nhu cầu được chứng nhận nộp hồ sơ đăng ký chứng nhận tại phòng HC-TH của TTCL2.

6.3.1.2. Hồ sơ đăng ký chứng nhận bao gồm:


- Bản đăng ký chứng nhận sản xuất hữu cơ theo mẫu BM.TT.39.01, sản xuất VietGAP trồng trọt theo BM.TT.18.01.
- Các tài liệu khác (nếu có).

#### **6.3.2. Xem xét các hồ sơ đăng ký, hợp đồng đánh giá**

Chuyên gia xem xét thực hiện xem xét theo hướng dẫn theo quy định tại thủ tục xem xét yêu cầu khách hàng TT.29, kết quả xem xét ghi nhận vào biểu mẫu BM.TT.29.02 và trình lãnh đạo phê duyệt.

#### **6.3.3. Chuẩn bị đánh giá**

6.3.3.1. Căn cứ vào yêu cầu chứng nhận và Tiêu chuẩn đăng ký chứng nhận của KH; Phòng HC-TH xem xét năng lực của chuyên gia đánh giá, dự kiến đoàn chuyên gia đánh giá và ngày đánh giá, đồng thời phối hợp bộ phận kế toán dự kiến chi phí đánh giá để trình lãnh đạo TTCL2 phê duyệt theo mẫu

	THỦ TỤC	Mã hiệu: TT.39
	ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ, HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG TRỌT	Lần ban hành: 05
		Ngày ban hành: 02/05/2024
		Trang: 7/29

BM.TT.29.06 và gửi thông báo với khách hàng kèm theo phụ lục phản hồi theo mẫu PL.TT.29.02.

6.3.3.2. Căn cứ vào Danh sách chuyên gia đánh giá đã được phê duyệt, Trưởng đoàn đánh giá lập kế hoạch đánh giá theo biểu mẫu BM.TT.27.04 trình lãnh đạo TTCL2 phê duyệt.

6.3.3.3. Trưởng đoàn đánh giá thông báo kế hoạch đánh giá cho KH đăng ký chứng nhận và các thành viên của đoàn chuyên gia đánh giá trước ít nhất 1 tuần trước cuộc đánh giá chứng nhận tại cơ sở. Trường hợp KH đề nghị đột xuất bố trí lịch sớm hơn so với dự kiến thì kế hoạch đánh giá được thông báo đến KH ít nhất trước 3 ngày.

#### **6.3.4. Chứng nhận lần đầu**

##### **6.3.4.1. Đánh giá giai đoạn chứng nhận chuyển đổi** *(không áp dụng đối với chứng nhận VietGAP trồng trọt)*

a/ Căn cứ vào Danh sách chuyên gia đánh giá đã được phê duyệt, Trưởng đoàn đánh giá lập kế hoạch đánh giá giai đoạn chuyển đổi theo biểu mẫu BM.TT.27.04 trình lãnh đạo TTCL2 phê duyệt. Đoàn đánh giá lập danh sách những người tham dự cuộc đánh giá giai đoạn chứng nhận chuyển đổi theo biểu mẫu BM.TT.27.05.

b/ Khi đánh giá giai đoạn chứng nhận chuyển đổi, chuyên gia đánh giá xem xét, đánh giá để xác định thời điểm hoàn thành giai đoạn chuyển đổi bằng việc có được sự thông hiểu về quá trình sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp hữu cơ của cơ sở, cụ thể:

b.1/ Xác định thời điểm bắt đầu và kết thúc hoạt động chuyển đổi tùy thuộc vào từng nhóm sản phẩm, quá trình chuyển đổi sang sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp hữu cơ có được thực hiện, duy trì và đáp ứng yêu cầu của bộ TCVN 11041;

b.2/ Quá trình sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp hữu cơ có bao gồm cách thức và phương pháp thích hợp để nhận biết, phân tích, đưa ra các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và xử lý các mối nguy liên quan tới sản phẩm nông nghiệp hữu cơ của tổ chức cũng như các mối nguy ảnh hưởng đến môi trường, đa dạng sinh học, con người từ hoạt động sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp hữu cơ (ví dụ: các yêu cầu luật định, chế định, yêu cầu của khách hàng và các yêu cầu của chương trình chứng nhận);



THỦ TỤC  
ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ,  
HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ  
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG  
TRỌT

Mã hiệu: TT.39  
Lần ban hành: 05  
Ngày ban hành: 02/05/2024  
Trang: 8/29

- b.3/ Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến sản phẩm nông nghiệp hữu cơ có được thực thi và tuân thủ;
- b.4/ Quá trình sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp hữu cơ có được thiết lập và thực hiện để đạt được các yêu cầu của tiêu chuẩn và các quy định liên quan;
- b.5/ Thu được các thông tin cần thiết liên quan, bao gồm:
  - b.5.1/ Quy định nhận diện và kiểm soát các địa điểm sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp hữu cơ;
  - b.5.2/ Quy định nhận biết và kiểm soát nguyên liệu, vật tư đầu vào phục vụ sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp hữu cơ (giống, phân bón, nước, thức ăn, sinh vật gây hại,...);
  - b.5.3/ Quy định kiểm soát quá trình sản xuất, chế biến, ghi nhãn sản phẩm nông nghiệp hữu cơ;
  - b.5.4/ Quy định kiểm soát đầu ra sản phẩm nông nghiệp hữu cơ;
  - b.5.5/ Quy định kiểm soát tài liệu, hồ sơ, truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp hữu cơ từ đầu vào đến đầu ra.
- c/ Chuyên gia đánh giá sử dụng biểu mẫu ghi chép đánh giá BM.TT.27.06 trong quá trình đánh giá.
- d/ Chuyên gia đánh giá ghi nhận các phát hiện đánh giá đối với các tiêu chí đánh giá cho giai đoạn chuyển đổi vào các Bảng kết quả đánh giá biểu mẫu BM.TT.39.06/a (sản phẩm gạo hữu cơ), BM.TT.39.06/b (Sản phẩm chè hữu cơ), BM.TT.39.06/c (sản phẩm trồng trọt hữu cơ khác).
- e/ Chuyên gia đánh giá thực hiện đánh giá hệ thống quản lý của cơ sở theo nội dung biểu mẫu BM.TT.39.04.
- f/ Phát hiện đánh giá được ghi nhận vào biểu mẫu BM.TT.27.07, BM.TT.27.08.
- g/ Kết quả đánh giá giai đoạn chứng nhận chuyển đổi xác nhận sự sẵn sàng đánh giá giai đoạn chứng nhận hữu cơ. Khi xác định khoảng thời gian giữa giai đoạn chứng nhận chuyển đổi và giai đoạn chứng nhận chứng nhận hữu cơ, đoàn đánh giá phải xem xét, cân nhắc đến nhu cầu của KH, thời điểm thu hoạch, chế biến để giải quyết các khu vực quan tâm được nhận biết trong giai đoạn chứng nhận chuyển đổi.



THỦ TỤC  
ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ,  
HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ  
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG  
TRỌT

Mã hiệu: TT.39

Lần ban hành: 05

Ngày ban hành: 02/05/2024

Trang: 9/29

- h/ Tất cả các phần của quá trình sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp hữu cơ được đánh giá ở giai đoạn chứng nhận chuyển đổi và được xác định là thực hiện đầy đủ, có hiệu lực và phù hợp với các yêu cầu, có thể không cần thiết phải đánh giá lại trong đánh giá giai đoạn chứng nhận hữu cơ. Các nội dung này cần được giám sát và ghi nhận trong đánh giá giai đoạn hữu cơ. Chuyên gia đánh giá lập báo cáo đánh giá giai đoạn chuyển đổi theo biểu mẫu BM.TT.39.05.
- i/ Đối với đã được TTCL2 chứng nhận hữu cơ nhưng đã hết hiệu lực chứng nhận đồng thời cơ sở có đầy đủ các bằng chứng cho thấy cơ sở đang duy trì quá trình sản xuất sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn hữu cơ trong thời gian quá hạn của Giấy chứng nhận thì TTCL2 có thể tiến hành đánh giá chứng nhận hữu cơ đối với cơ sở mà không cần thực hiện giai đoạn đánh giá chuyển đổi. Riêng đối với đất nguyên sơ (không phải là rừng nguyên sinh) và đất hoang hóa, có thể bỏ qua giai đoạn chuyển đổi.
- k/ Trong trường hợp, KH yêu cầu chỉ thực hiện cấp chứng nhận cho giai đoạn chuyển đổi hữu cơ.
- k.1/ Đoàn đánh giá sẽ thực hiện đánh giá quá trình sản xuất cho giai đoạn chuyển đổi và thực hiện lấy mẫu điển hình khi nghi ngờ. Loại mẫu được lấy trong giai đoạn này là mẫu môi trường (đất trồng/ giá thể, nước tưới) và sản phẩm; địa điểm lấy mẫu theo hướng dẫn tại phụ lục PL.TT.39.02. Nội dung, trình tự thủ tục lấy mẫu được thực hiện tương tự như quy định đối với lấy mẫu trong đánh giá giai đoạn chứng nhận hữu cơ.
- k.2/ Kết quả đánh giá quá trình sản xuất của giai đoạn chuyển đổi và kết quả phân tích mẫu điển hình (nếu có) là căn cứ để TTCL2 cấp giấy chứng nhận “*Đang trong quá trình chuyển đổi*” đối với sản phẩm sản xuất theo hữu cơ.

#### **6.3.4.2. Đánh giá giai đoạn chứng nhận hữu cơ, VietGAP trồng trọt**

##### **a/ Quy định chung:**

- a.1/ KH được thông báo về kế hoạch đánh giá và thành phần của đoàn đánh giá tối thiểu là 01 tuần trước khi tiến hành đánh giá. KH chứng nhận có thể yêu cầu thay đổi thành viên đoàn đánh giá hoặc các nội dung thích hợp khác, và trong trường hợp như vậy, các thay đổi cần thiết được thực hiện.



THỦ TỤC  
ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ,  
HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ  
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG  
TRỌT

Mã hiệu: TT.39

Lần ban hành: 05

Ngày ban hành: 02/05/2024

Trang: 10/29

a.2/ Việc đánh giá chứng nhận do Trưởng đoàn đánh giá điều hành bao gồm 3 phần chính: họp khai mạc, tiến hành đánh giá và họp kết thúc.

**b/ Họp khai mạc**

b.1/ Cần tiến hành cuộc họp khai mạc với lãnh đạo của cơ sở hoặc, nếu thích hợp, với những người chịu trách nhiệm về bộ phận hoặc quá trình sẽ được đánh giá.

b.2/ Mục đích của cuộc họp khai mạc là:

b.2.1/ Thông qua kế hoạch đánh giá;

b.2.2/ Nêu thông tin tóm tắt về việc các hoạt động đánh giá sẽ được thực hiện như thế nào;

b.2.3/ Xác nhận các kênh thông tin và

b.2.4/ Tạo cơ hội cho cơ sở đưa ra những câu hỏi.

b.3/ Trưởng đoàn đánh giá chủ trì họp khai mạc. Phụ lục các nội dung họp khai mạc và kết thúc PL.TT.34.01 có thể được sử dụng để hỗ trợ trưởng đoàn đánh giá trong họp khai mạc

b.4/ Danh sách cuộc họp khai mạc và kết thúc được điền vào biểu mẫu BM.TT.27.05 và được xác nhận của người tham dự.

b.5/ Trong cuộc họp khai mạc Tổ chức được đánh giá được đề nghị giới thiệu tóm tắt về tổ chức của mình (sản phẩm, thị trường chính, lịch sử và cơ cấu của hệ thống quản lý...) để các thành viên trong đoàn đánh giá có cái nhìn chung về hệ thống, điều kiện cơ sở được đánh giá.

b.6/ Mọi thay đổi hệ thống quản lý, điều kiện sản xuất (nếu có) so với đăng ký phải được thảo luận. Khi các thay đổi lớn và cơ bản mà trưởng đoàn đánh giá cho là không đủ thời gian để chuẩn bị thêm thì cuộc đánh giá có thể được hủy bỏ. Các chi phí phát sinh sẽ được thông báo và cần thiết thảo luận với KH về thời gian có thể cho cuộc đánh giá sau.

**c/ Tiến hành đánh giá:**

c.1/ Đánh giá hệ thống quản lý, điều kiện sản xuất

**c.1.1/ Đối với đánh giá VietGAP trồng trọt:**



THỦ TỤC  
ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ,  
HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ  
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG  
TRỌT

Mã hiệu: TT.39  
Lần ban hành: 05  
Ngày ban hành: 02/05/2024  
Trang: 11/29

- Trường hợp chứng nhận theo phương thức 3: đoàn đánh giá sẽ thực hiện đánh giá quá trình sản xuất theo các tiêu chí quy định của tiêu chuẩn TCVN 11892 và lấy mẫu điển hình.
- Trường hợp chứng nhận theo phương thức 6: đoàn đánh giá sẽ thực hiện đánh giá hệ thống quản lý, điều kiện sản xuất của cơ sở theo các tiêu chí quy định của tiêu chuẩn TCVN 11892, trong quá trình đánh giá có thể lấy mẫu thăm tra.

**c.1.2/ Đối với đánh giá giai đoạn chứng nhận hữu cơ:** đoàn đánh giá sẽ thực hiện đánh giá quá trình sản xuất về hiệu lực áp dụng tiêu chuẩn sản xuất hữu cơ vào quá trình sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp hữu cơ của cơ sở và thực hiện đánh giá tại tất cả các địa điểm sản xuất, chế biến của cơ sở và có thể lấy mẫu điển hình. Nội dung đánh giá cụ thể như sau:

- Thông tin và bằng chứng về sự phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn hoặc tài liệu quy định thích hợp khác về quá trình sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp hữu cơ;
- Hiệu lực kiểm soát các mối nguy liên quan đến quá trình sản xuất và chế biến sản phẩm nông nghiệp hữu cơ cũng như các mối nguy liên quan đến môi trường, đa dạng sinh học, con người, ...;
- Hiệu lực thực hiện quá trình sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp hữu cơ của khách hàng đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn, luật định, chế định và hợp đồng;
- Kiểm soát đầu vào, đầu ra và khả năng truy xuất nguồn gốc;
- Kiểm soát lưu trữ tài liệu, hồ sơ liên quan;
- Tiếp nhận và đáp ứng phản hồi/khiếu nại của các bên liên quan.

c.1.3/ Trao đổi thông tin trong quá trình đánh giá



THỦ TỤC  
ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ,  
HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ  
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG  
TRỌT

Mã hiệu: TT.39  
Lần ban hành: 05  
Ngày ban hành: 02/05/2024  
Trang: 12/29

- Trong quá trình đánh giá, đoàn đánh giá cần hội ý định kỳ để trao đổi thông tin, đánh giá sự tiến triển của cuộc đánh giá và phân định lại công việc giữa các thành viên, nêu cần và định kỳ thông báo cho cơ sở về sự tiến triển của cuộc đánh giá và mọi vấn đề liên quan khác.
- Khi bằng chứng đánh giá đã có cho thấy các mục tiêu đánh giá là không thể đạt được thì trưởng đoàn đánh giá cần thông báo nguyên nhân cho cơ sở và TTCL2 biết để có hành động thích hợp. Hành động này có thể bao gồm việc xác nhận lại hoặc sửa đổi kế hoạch đánh giá, thay đổi mục tiêu hoặc phạm vi đánh giá hoặc chấm dứt cuộc đánh giá.
- Trưởng đoàn đánh giá cùng với cơ sở xem xét mọi yêu cầu về thay đổi phạm vi đánh giá trong quá trình đánh giá và được thông báo tới TTCL2.

#### c.1.4/ Thu thập và kiểm tra xác nhận thông tin

- Trong quá trình đánh giá, các thông tin liên quan đến mục tiêu, phạm vi và chuẩn mực đánh giá, bao gồm những thông tin về mối liên hệ giữa các chức năng, hoạt động và quá trình, cần được thu thập bằng phương pháp lấy mẫu và cần được kiểm tra xác nhận. Chỉ các thông tin có thể kiểm tra xác nhận được mới là bằng chứng đánh giá, bằng chứng đánh giá này cần được ghi chép lại.
- Các phương pháp thu thập thông tin bao gồm:
  - Phỏng vấn;
  - Quan sát các quá trình và hoạt động;
  - Xem xét tài liệu và hồ sơ.
- Trưởng đoàn đánh giá có thể đề nghị Tổ chức được đánh giá bố trí đi thăm một vòng cơ sở trước khi hoạt động đánh giá chi tiết được tiến hành.
- Cuộc đánh giá được thực hiện theo chương trình đánh giá và các chuyên gia đánh giá được đi cùng với đại diện của Tổ chức được đánh giá. Các chuyên gia đánh



THỦ TỤC  
ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ,  
HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ  
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG  
TRỌT

Mã hiệu: TT.39

Lần ban hành: 05

Ngày ban hành: 02/05/2024

Trang: 13/29

giá phải phỏng vấn nhân sự của tổ chức được đánh giá chịu trách nhiệm với các quy trình, thủ tục được đánh giá để xác định mức độ am hiểu và tuân thủ các quy trình, thủ tục này.

- Chuyên gia đánh giá sử dụng biểu mẫu ghi chép các bằng chứng đánh giá theo [BM.TT.27.06](#).
- Chuyên gia đánh giá ghi nhận các phát hiện đánh giá cho từng tiêu chí đánh giá lĩnh vực VietGAP trồng trọt vào Bảng kết quả đánh giá biểu mẫu [BM.TT.39.02](#), đối với lĩnh vực sản xuất hữu cơ theo các biểu mẫu sau:
  - Sản phẩm gạo hữu cơ theo mẫu [BM.TT.39.06/a](#)
  - Sản phẩm chè hữu cơ theo mẫu [BM.TT.39.06/b](#)
  - Sản phẩm trồng trọt hữu cơ khác theo biểu mẫu [BM.TT.39.06/c](#)
  - Sản phẩm nấm hữu cơ theo mẫu [BM.TT.39.06/d](#)
  - Sản phẩm rau mầm hữu cơ theo mẫu [BM.TT.39.06/e](#)
  - Sản phẩm trồng trọt hữu cơ trong nhà màng và trong thùng chứa theo mẫu [BM.TT.39.06/f](#)
- Đoàn đánh giá thực hiện đánh giá hệ thống quản lý của cơ sở theo nội dung biểu mẫu [BM.TT.39.04](#) trong trường hợp cơ sở sản xuất có nhiều thành viên tham gia.
- Nhận biết và tạo lập các phát hiện đánh giá
- Bảng chứng đánh giá cần được đối chiếu với chuẩn mực để nhận biết và tạo lập các phát hiện đánh giá. Các phát hiện đánh giá có thể chỉ ra sự phù hợp hoặc không phù hợp so với chuẩn mực đánh giá. Khi được nêu trong mục tiêu đánh giá, các phát hiện đánh giá có thể xác định cơ hội cải tiến;
- Đoàn đánh giá cần họp lại, nếu cần, để xem xét các phát hiện đánh giá ở những giai đoạn thích hợp trong quá trình đánh giá.





THỦ TỤC  
ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ,  
HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ  
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG  
TRỌT

Mã hiệu: TT.39  
Lần ban hành: 05  
Ngày ban hành: 02/05/2024  
Trang: 14/29

- Cần tổng hợp sự phù hợp với chuẩn mực đánh giá để chỉ rõ những nơi, những bộ phận chức năng hoặc quá trình đã được đánh giá. Nếu được nêu trong kế hoạch đánh giá, các phát hiện cụ thể khi đánh giá về sự phù hợp và bằng chứng kèm theo cũng cần được ghi lại.
- Sự không phù hợp và bằng chứng đánh giá kèm theo cần được ghi lại. Sự không phù hợp có thể được phân loại. Chúng cần được xem xét lại cùng với cơ sở để đạt được sự thừa nhận rằng bằng chứng đánh giá là chính xác và sự không phù hợp đã được nhận biết. Cần nỗ lực giải quyết những quan điểm khác biệt liên quan đến bằng chứng đánh giá và/hoặc phát hiện đánh giá và ghi lại những điểm chưa được giải quyết.
- Tiến hành đánh giá theo chương trình đã đề ra. Các phát hiện trong đánh giá sẽ phân thành 03 loại như sau:
  - Điểm không phù hợp nặng: là những thiếu sót không đáp ứng được yêu cầu của tiêu chuẩn đã đăng ký, vi phạm nghiêm trọng liên quan đến yêu cầu của pháp luật hoặc những lỗi có thể ảnh hưởng đến yêu cầu của hệ thống quản lý, công nghệ và điều kiện sản xuất. Khi phát hiện các điểm không phù hợp nặng tổ chức đăng ký phải khắc phục xong mới được kiến nghị chứng nhận hoặc phải đánh giá lại các điều kiện và công nghệ sản xuất. Thời hạn khắc phục đối với điểm không phù hợp nặng không quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc đánh giá tại cơ sở.
  - Điểm không phù hợp nhẹ: là những khiếm khuyết nhỏ không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động chung của hệ thống quản lý. Trong trường hợp này tổ chức đăng ký chứng nhận có thể được đề nghị chứng nhận nếu khắc phục xong các điểm không phù hợp đã nêu. Thời hạn khắc phục đối với điểm không phù hợp nhẹ không quá 3 tháng kể từ ngày kết thúc đánh giá tại cơ sở.
  - Điểm lưu ý: là những ý kiến đóng góp và nhận xét



THỦ TỤC  
ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ,  
HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ  
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG  
TRỌT

Mã hiệu: TT.39

Lần ban hành: 05

Ngày ban hành: 02/05/2024

Trang: 15/29

của đoàn đánh giá cho hoạt động của tổ chức đăng ký chứng nhận để cải tiến hoạt động quản lý chất lượng của cơ sở.

- Các bằng chứng khách quan phải được kiểm tra để khẳng định mức độ phù hợp với các thủ tục của Tổ chức được đánh giá và yêu cầu của tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia.
- Các nhận xét, phát hiện đánh giá và sự không phù hợp phải được lập thành văn bản trong phiếu báo cáo sự không phù hợp theo biểu mẫu BM.TT.27.07, các điểm cần lưu ý được ghi vào trong biểu mẫu BM.TT.27.08
- Khi tìm thấy một phát hiện đánh giá, chuyên gia đánh giá phải thông báo ngay với đại diện của bộ phận được đánh giá.
- Tùy theo quy mô, tính phức tạp, công nghệ sản xuất quá trình..., trường đoàn đánh giá yêu cầu chuyên gia kỹ thuật nhận xét theo phiếu nhận xét chuyên gia kỹ thuật BM.TT.34.04
- Đoàn đánh giá cần họp riêng từng ngày để trao đổi thông tin, xem xét tiến độ và các hoạt động đánh giá.
- Trong trường hợp thời gian đánh giá thực tế khác thời gian đánh giá theo kế hoạch, báo cáo đánh giá phải nêu ra và lý giải sự khác biệt này. Khi thời gian đánh giá ngắn hơn so với dự kiến phải lý giải để khẳng định rằng thời gian điều chỉnh vẫn đủ để đảm bảo quá trình đánh giá đầy đủ và hiệu quả.

c.2/ Lấy mẫu:

c.2.1/ Lĩnh vực sản xuất hữu cơ:

- Hoạt động lấy mẫu sản phẩm hữu cơ đánh giá chứng nhận là mẫu điển hình theo quy định phương thức 5 của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCHN.
- Vị trí địa điểm lấy mẫu theo hướng dẫn tại phụ lục PL.TT.39.02.



THỦ TỤC  
ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ,  
HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ  
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG  
TRỌT

Mã hiệu: TT.39

Lần ban hành: 05

Ngày ban hành: 02/05/2024

Trang: 16/29

- Phương pháp lấy mẫu theo quy định tại tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng với đối tượng mẫu và quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Chỉ tiêu phân tích đối với mẫu điển hình theo hướng dẫn tiêu chuẩn sản phẩm đăng ký chứng nhận hữu cơ.
- Khối lượng mẫu, số lượng mẫu lấy tùy theo số lượng chỉ tiêu kiểm và yêu cầu đã công bố của Phòng kiểm nghiệm.
- TTCL2 đảm bảo điều kiện năng lực người lấy mẫu đáp ứng theo quy định của nhà nước về hoạt động lấy mẫu. Người lấy mẫu thực hiện hoạt động lấy mẫu theo thủ tục [TT.CL.16](#).
- Mẫu điển hình được lấy tại nơi sản xuất/sơ chế hoặc trên thị trường. Sau khi lấy mẫu, người lấy mẫu lập biên bản lấy mẫu theo biểu mẫu [BM.TT.27.19](#). Biên bản lấy mẫu được lập thành 02 bản, 01 bản chuyển phòng kiểm nghiệm, 01 bản giao cho khách hàng.

#### c.2.2/ Lĩnh vực VietGAP trồng trọt:

- Trường hợp chứng nhận theo phương thức 3:
  - Mẫu sản phẩm được lấy là mẫu điển hình
  - Vị trí địa điểm lấy mẫu: tại nơi sản xuất/sơ chế, cụ thể theo hướng dẫn tại phụ lục [PL.TT.29.02](#)
  - Trình tự, thủ tục, nội dung các bước thực hiện tương tự như mục 6.3.4.2.c.2.1 (chứng nhận hữu cơ) của thủ tục này
- Trường hợp chứng nhận theo phương thức 6:
  - Mẫu được lấy là mẫu thăm tra gồm các mẫu môi trường (đất, nước) và/ hoặc vật tư đầu vào và/ hoặc sản phẩm
  - Vị trí địa điểm lấy mẫu: tại nơi sản xuất/sơ chế, cụ thể theo hướng dẫn tại phụ lục [PL.TT.29.02](#)



THỦ TỤC  
ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ,  
HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ  
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG  
TRỌT

Mã hiệu: TT.39

Lần ban hành: 05

Ngày ban hành: 02/05/2024

Trang: 17/29

- Đoàn đánh giá thực hiện lấy mẫu trong quá trình đánh giá khi:
  - Cơ sở sản xuất không cung cấp được hồ sơ về việc lấy mẫu, kết quả phân tích mẫu, hoặc;
  - Hồ sơ về lấy mẫu, phân tích mẫu không phù hợp (*người lấy mẫu, phương pháp lấy mẫu, phòng kiểm nghiệm, kết quả phân tích mẫu*).
- Trình tự, thủ tục, nội dung các bước thực hiện tương tự như mục 6.3.4.2.c.2.1 (chứng nhận hữu cơ) của thủ tục này.

#### **d/ Chuẩn bị kết luận đánh giá**

d.1/ Đoàn đánh giá cần hội ý trước cuộc họp kết thúc đề:

d.1.1/ Xem xét lại các phát hiện khi đánh giá và tất cả các thông tin thích hợp khác đã thu thập được trong quá trình đánh giá căn cứ vào mục tiêu đánh giá;

d.1.2/ Thảo luận về kết luận đánh giá có tính đến sự thiếu xác thực trong quá trình đánh giá;

d.1.3/ Chuẩn bị các khuyến nghị;

d.1.4/ Thảo luận về đánh giá bổ sung (nếu có).

d.2/ Báo cáo đánh giá cần được hoàn thành trong thời gian đã thỏa thuận. Nếu không thực hiện được, cần phải thông báo cho cơ sở biết về những lý do của sự chậm trễ và thỏa thuận với cơ sở về thời gian hoàn thành mới.

d.3/ Báo cáo đánh giá phải được Trưởng đoàn phê duyệt, gửi đến người nhận do cơ sở chỉ định.

d.4/ Trưởng đoàn đánh giá hoặc chuyên gia đánh giá được phân công lập báo cáo đánh giá VietGAP trồng trọt theo BM.TT.39.03, đánh giá giai đoạn chứng nhận hữu cơ theo biểu mẫu BM.TT.39.05.

d.5/ Báo cáo đánh giá được hoàn thành phải xác nhận trung thực các phát hiện và quá trình đánh giá.

d.6/ Khi đánh giá nhiều địa điểm, tất cả các địa điểm đánh giá phải được chỉ ra trong báo cáo đánh giá.



THỦ TỤC  
ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ,  
HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ  
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG  
TRỌT

Mã hiệu: TT.39

Lần ban hành: 05

Ngày ban hành: 02/05/2024

Trang: 18/29

d.7/ Phần kết luận của đánh giá phải bao gồm những nhận xét rõ ràng về việc có hoặc không kiến nghị chứng nhận/ tiếp tục chứng nhận. Trong báo cáo có thể có nhận xét tổng hợp các phát hiện chung của cuộc đánh giá và tuyên bố về năng lực của KH trong việc đáp ứng các yêu cầu trong phạm vi đánh giá. Báo cáo đánh giá cũng nên bao gồm các nhận xét về mức độ hoàn thiện và tính hiệu lực của hệ thống quản lý, điều kiện sản xuất của cơ sở. **Trong trường hợp cơ sở sản xuất cây trồng có thời điểm thu hoạch theo thời vụ thì Đoàn đánh giá phải xác định rõ thời điểm thu hoạch dự kiến trong năm kế tiếp tại báo cáo đánh giá để phục vụ cho hoạch định thời gian đánh giá giám sát.**

#### e/ **Họp kết thúc**

- e.1/ Cuộc họp kết thúc do trưởng đoàn đánh giá chủ trì để trình bày các phát hiện khi đánh giá và kết luận đánh giá nhằm giúp cho cơ sở được đánh giá hiểu rõ và chấp nhận. Cuộc họp kết thúc còn để thỏa thuận về thời gian để bên được đánh giá trình bày kế hoạch hành động khắc phục và phòng ngừa. Những người tham dự cuộc họp kết thúc bao gồm cơ sở được đánh giá, có thể có bên yêu cầu đánh giá và các bên khác. Khi cần thiết, trưởng đoàn đánh giá cần thông báo cho cơ sở được đánh giá biết về những tình huống gặp phải trong quá trình đánh giá có thể làm giảm sự tin cậy vào kết quả đánh giá.
- e.2/ Mọi ý kiến khác biệt về các phát hiện đánh giá và/hoặc kết luận đánh giá giữa đoàn đánh giá và cơ sở được đánh giá cần được thảo luận và được giải quyết nếu có thể. Nếu không giải quyết được thì phải ghi lại tất cả những ý kiến đó.
- e.3/ Cần nêu ra các khuyến nghị cải tiến. Lưu ý các khuyến cáo là không mang tính bắt buộc.
- e.4/ Mọi yêu cầu hành động khắc phục BM.TT.27.07 phải được xác định bởi đại diện lãnh đạo của KH để xác định nội dung và cam kết với việc thực hiện các hành động cần thiết.
- e.5/ Các tài liệu và hồ sơ của Tổ chức được đánh giá được trả lại tại thời điểm này.

#### f/ **Báo cáo đánh giá**



THỦ TỤC  
ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ,  
HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ  
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG  
TRỌT

Mã hiệu: TT.39  
Lần ban hành: 05  
Ngày ban hành: 02/05/2024  
Trang: 19/29

- f.1/ Trưởng đoàn đánh giá có trách nhiệm đối với việc chuẩn bị và đối với nội dung của báo cáo đánh giá;
- f.2/ Báo cáo đánh giá cần đưa ra hồ sơ hoàn chỉnh, chính xác, xúc tích và rõ ràng về cuộc đánh giá;
- f.3/ Tập hợp báo cáo đánh giá phải bao gồm các hồ sơ sau:
  - f.3.1/ Báo cáo đánh giá BM.TT.39.03 (chứng nhận VietGAP), BM.TT.39.05 (chứng nhận hữu cơ)
  - f.3.2/ Các ghi chép đánh giá BM.TT.27.06
  - f.3.3/ Bảng kết quả đánh giá VietGAP trồng trọt BM.TT.39.02 (áp dụng đối với đánh giá VietGAP trồng trọt)
  - f.3.4/ Bảng kết quả đánh giá chứng nhận hữu cơ BM.TT.39.06/a, BM.TT.39.06/b, BM.TT.39.06/c, BM.TT.39.06/d, BM.TT.39.06/e, BM.TT.39.06/f (áp dụng đối với chứng nhận hữu cơ)
  - f.3.5/ Bảng đánh giá hệ thống quản lý BM.TT.39.04 (nếu có)
  - f.3.6/ Biên bản lấy mẫu BM.TT.27.19 (nếu có)
  - f.3.7/ Danh sách họp khai mạc, kết thúc BM.TT.27.05
  - f.3.8/ Các báo cáo sự không phù hợp BM.TT.27.07
  - f.3.9/ Phiếu các điểm lưu ý và khuyến nghị cải tiến BM.TT.27.08
  - f.3.10/ Nhận xét của chuyên gia kỹ thuật BM.TT.34.04 (nếu có)
  - f.3.11/ Các thư từ trao đổi với KH (nếu có)..

**g/ Hủy bỏ cuộc đánh giá**

Trong quá trình đánh giá, Trưởng đoàn đánh giá có thể quyết định hủy bỏ cuộc đánh giá do mức độ nghiêm trọng của sự không phù hợp hoặc sự không hợp tác của Tổ chức được đánh giá trong quá trình đánh giá. Trước khi thông báo quyết định này cho Tổ chức được đánh giá, Trưởng đoàn đánh giá phải thông báo và đạt được sự chấp thuận từ lãnh đạo TTCL2. Trong trường hợp này Trưởng đoàn đánh giá – trong phạm vi quyền hạn của mình, có thể thảo luận với Tổ chức được đánh giá về việc đánh giá lại. Để đưa ra quyết định này, Trưởng đoàn đánh giá và các thành viên phải xem xét đến số lượng và mức độ của sự không phù hợp. Nếu Tổ chức được đánh giá vẫn yêu cầu tiếp tục cuộc đánh giá, mặc dù



THỦ TỤC  
ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ,  
HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ  
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG  
TRỌT

Mã hiệu: TT.39

Lần ban hành: 05

Ngày ban hành: 02/05/2024

Trang: 20/29

về chính thức nó đã được hủy bỏ, thì yêu cầu này có thể được chấp nhận với điều kiện kết quả sẽ không được coi là chính thức.

#### **h/ Đánh giá bổ sung**

h.1/ TTCL2 thông báo cho cơ sở nếu cần đánh giá bổ sung để thẩm tra, xác nhận hiệu quả của việc khắc phục và hành động khắc phục của cơ sở.

h.2/ TTCL2 sẽ thông báo cho cơ sở nếu cần đánh giá bổ sung để thẩm tra, kiểm tra xác nhận hiệu quả của việc khắc phục và hành động khắc phục của cơ sở.

#### **i/ Đánh giá sự phù hợp mẫu thử nghiệm**

i.1/ Đánh giá sự phù hợp của mẫu thử nghiệm (bao gồm mẫu sản phẩm; mẫu môi trường (đất, nước), vật tư đầu vào) trong trường hợp đoàn đánh giá lấy mẫu.

i.1.1/ Mẫu sản phẩm được thử nghiệm tại phòng thử nghiệm đủ năng lực đã đăng ký lĩnh vực hoạt động, được chỉ định hoặc công nhận;

i.1.2/ Các đặc tính của sản phẩm cần thử nghiệm và phương pháp thử nghiệm được quy định trong tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc quy định liên quan.

i.2/ Xử lý kết quả đánh giá sự phù hợp

Xem xét các đặc tính của sản phẩm qua kết quả thử nghiệm mẫu so với yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc quy định liên quan.

i.3/ Kết luận về sự phù hợp

i.3.1/ Kết luận về sự phù hợp của sản phẩm so với yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc quy định liên quan. Sản phẩm được xem là phù hợp nếu tất cả các chỉ tiêu của mẫu thử nghiệm phù hợp với mức quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc quy định liên quan.

i.3.2/ Đối với mẫu sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, khi kết quả phân tích mẫu dương tính với chất ngoài danh mục thì được xem là không phù hợp.



THỦ TỤC  
ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ,  
HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ  
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG  
TRỌT

Mã hiệu: TT.39

Lần ban hành: 05

Ngày ban hành: 02/05/2024

Trang: 21/29

i.4/ Xử lý kết quả đánh giá mẫu thử nghiệm

i.4.1/ Trưởng đoàn đánh giá chịu trách nhiệm lập phiếu đánh giá sự phù hợp mẫu thử nghiệm theo BM.CL.17.01 ngay sau khi có kết quả;

i.4.2/ Trong trường hợp kết quả mẫu không đạt, Trưởng đoàn đánh giá trình lãnh đạo phê duyệt thông báo kết quả mẫu không đạt gửi cho cơ sở, yêu cầu cơ sở điều tra nguyên nhân, biện pháp khắc phục và báo cáo kết quả thực hiện về TTCL2 để thẩm tra, tiến hành lấy mẫu lần 2. Nội dung thông báo theo biểu mẫu BM.CL.17.02. Mẫu lấy lần 2 cũng là lần cuối cùng để xem xét kết luận sự phù hợp đối với quá trình sản xuất.

**j/ Quyết định chứng nhận**

j.1/ Tổ kỹ thuật thẩm xét hồ sơ chứng nhận có trách nhiệm thẩm xét hồ sơ đánh giá theo thủ tục thẩm xét hồ sơ đánh giá TT.30, nếu phù hợp thì chuyển toàn bộ hồ sơ đến Phòng HC-TH để dự thảo quyết định cấp giấy chứng nhận BM.TT.27.13 và văn bản cho phép sử dụng dấu hiệu chứng nhận theo biểu mẫu BM.TT.30.08 trình lãnh đạo TTCL2 phê duyệt. **Đối với chứng nhận hữu cơ thì văn bản sử dụng logo phải làm rõ tỉ lệ hữu cơ: “sản phẩm 100% hữu cơ” hay “sản phẩm hữu cơ”** đối với sản phẩm được chứng nhận.

j.2/ Đối với chứng nhận hữu cơ: quyết định cấp chứng nhận sử dụng biểu mẫu BM.TT.39.07;

j.3/ Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận:

j.3.1/ Đối với các sản phẩm hữu cơ được cấp cho giai đoạn chứng nhận hữu cơ thì hiệu lực của Giấy chứng nhận không quá 02 năm kể từ ngày cấp

j.3.2/ Đối với các sản phẩm hữu cơ được cấp cho giai đoạn chuyển đổi hữu cơ thì hiệu lực của Giấy chứng nhận tính bằng thời hạn chuyển đổi đối với loại sản phẩm tương ứng được quy định trong TCVN 11041 trừ đi quãng thời gian chuyển đổi đã được xác định trong quá trình đánh giá thực địa.





THỦ TỤC  
ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ,  
HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ  
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG  
TRỌT

Mã hiệu: TT.39

Lần ban hành: 05

Ngày ban hành: 02/05/2024

Trang: 22/29

j.3.3/ Đối với chứng nhận VietGAP trồng trọt thì hiệu lực của Giấy chứng nhận không quá 03 năm kể từ ngày cấp.

### **6.3.5. Giám sát sau chứng nhận**

6.3.5.1. Trong thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận, định kỳ mỗi năm 01 lần (hoặc đột xuất khi thấy cần thiết) TTCL2 sẽ cử đoàn chuyên gia đánh giá đến Tổ chức được chứng nhận để tiến hành giám sát việc duy trì thực hiện các yêu cầu so với tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia được chứng nhận. Lịch đánh giá giám sát được thực hiện theo thông báo của TTCL2. Trường đoàn đánh giá giám sát lập báo cáo đánh giá giám sát như báo cáo đánh giá lần đầu.

6.3.5.2. Kế hoạch đánh giá giám sát và thời gian đánh giá giám sát thực hiện tương tự như đánh giá chứng nhận lần đầu và thông báo tới Tổ chức được đánh giá trước khi đánh giá giám sát ít nhất 01 tháng theo TT.29.

6.3.5.3. Việc lập kế hoạch đánh giá thực hiện theo biểu mẫu BM.TT.27.04 cho mọi cuộc đánh giá giám sát phải đảm bảo mọi yếu tố của tiêu chuẩn được đánh giá tối thiểu 01 lần trong chu kỳ chứng nhận.

6.3.5.4. Cuộc đánh giá giám sát được xếp lịch trên cơ sở thống nhất với Tổ chức được đánh giá vào thời điểm thích hợp. Tuy nhiên, thời điểm này không được sai lệch quá 2 tháng so với thời gian ban đầu (mốc thời gian trùng với ngày và tháng của lần chứng nhận đầu tiên). Trong trường hợp sai lệch lớn hơn 2 tháng, Tổ chức được đánh giá phải có đề nghị chính thức bằng văn bản với các lý giải thích đáng và được Trưởng phòng HC-TH đánh giá xem xét, trình Giám đốc TTCL2 phê duyệt.


6.3.5.5. Tiến hành đánh giá giám sát

a/ Việc hoạch định kế hoạch đánh giá giám sát được xem xét tổng thể theo chu kỳ đánh giá chứng nhận.

b/ Trong đánh giá giám sát, mọi điểm lưu ý của cuộc đánh giá trước được kiểm tra xem xét, các tài liệu được xem xét phải bao gồm cả các tài liệu về quảng cáo, quảng bá hiện hành để xác định tính tuân thủ về tuyên bố chứng nhận và sử dụng dấu hiệu chứng nhận. Mọi sự vi phạm về tuyên bố chứng nhận và sử dụng dấu hiệu chứng nhận được ghi nhận như là một điểm không phù hợp.

c/ Thủ tục, nội dung đánh giá giám sát được thực hiện như đánh giá chứng nhận lần đầu.

6.3.5.6. Các báo cáo đánh giá giám sát

	THỦ TỤC	Mã hiệu: TT.39
	ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ, HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG TRỌT	Lần ban hành: 05
		Ngày ban hành: 02/05/2024
		Trang: 23/29

- a/ Khi kết thúc đánh giá giám sát, báo cáo đánh giá giám sát được gửi lại cho tổ chức được đánh giá.
- b/ Khi có các thay đổi đối với các chi tiết về tổ chức được đánh giá như thông tin về tên gọi, số điện thoại,...các thay đổi này sẽ được ghi nhận trong phần tương ứng của báo cáo để khi về tới TTCL2, các bộ phận liên quan có thể cập nhật thông tin một cách kịp thời.
- c/ Báo cáo đánh giá phải chỉ ra tiêu chuẩn và các bộ phận được đánh giá cũng như mức độ hoàn thiện của HTQL. Báo cáo cũng nên chỉ ra mức độ tin cậy của hoạt động đánh giá nội bộ như là thước đo của sự phù hợp và cải tiến.

### **6.3.6. Duy trì chứng nhận**

6.3.6.1. Khách hàng được chứng nhận phải duy trì việc thực hiện các yêu cầu đảm bảo Hệ thống quản lý, điều kiện, quá trình sản xuất và duy trì việc chứng nhận trong suốt thời gian hiệu lực của chứng chỉ.

6.3.6.2. Trong thời gian hiệu lực của chứng chỉ mà khách hàng được chứng nhận có những thay đổi lớn về: quyền sở hữu; địa điểm; cơ cấu tổ chức; đại diện lãnh đạo; mở rộng/thu hẹp nhà xưởng, sản phẩm hoặc phạm vi sản xuất; số lượng nhân viên (trên 30%); các nguồn lực có tác động quan trọng đến Hệ thống quản lý, chất lượng sản phẩm và cập nhật tiêu chuẩn thì phải thông báo kịp thời bằng văn bản cho Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 2 để tiến hành đánh giá mở rộng/thu hẹp phạm vi chứng nhận.


6.3.6.3. Căn cứ vào kết quả đánh giá giám sát, kết quả thẩm xét hồ sơ đánh giá giám sát, Phòng HC-TH soạn văn bản về việc duy trì chứng nhận theo BM.TT.34.05, trình Giám đốc phê duyệt thông báo cho cơ sở.

6.3.6.4. Tùy mức độ thay đổi, Trung tâm Chất lượng vùng 2 sẽ thỏa thuận với KH về việc tiến hành đánh giá giám sát bổ sung. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc đánh giá giám sát bổ sung sẽ do KH chi trả.

6.3.6.5. Cấp lại chứng chỉ: Sau 2 năm hiệu lực (chứng nhận hữu cơ) và 3 năm hiệu lực (chứng nhận VietGAP) của chứng chỉ hiện thời, Trung tâm Chất lượng vùng 2 tiến hành đánh giá lại và cấp chứng chỉ có hiệu lực với thời gian tương ứng như chứng nhận lần đầu tiếp theo nếu KH yêu cầu.

6.3.6.6. Thủ tục, đánh giá chứng nhận lại được thực hiện như đánh giá chứng nhận lần đầu.

### **6.3.7. Mở rộng, thu hẹp phạm vi chứng nhận**

	THỦ TỤC	Mã hiệu: TT.39
	ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ, HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG TRỌT	Lần ban hành: 05
		Ngày ban hành: 02/05/2024
		Trang: 24/29

#### 6.3.7.1. Tiếp nhận thông tin yêu cầu về mở rộng, thu hẹp phạm vi chứng nhận

Phòng HC-TH có trách nhiệm tiếp nhận thông tin về việc mở rộng, thu hẹp phạm vi chứng nhận của các Tổ chức được TTCL2 chứng nhận và cấp chứng chỉ và chuyển các yêu cầu này cho bộ phận chứng nhận để xem xét.

#### 6.3.7.2. Xem xét yêu cầu mở rộng, thu hẹp phạm vi chứng nhận

Bộ phận chứng nhận sau khi tiếp nhận yêu cầu của Tổ chức được chứng nhận sẽ tiến hành xem xét các yêu cầu này thông qua bộ phận Kỹ thuật tương ứng. Lập báo cáo xem xét yêu cầu mở rộng và thu hẹp phạm vi chứng nhận.

#### 6.3.7.3. Đánh giá mở rộng, thu hẹp phạm vi chứng nhận

- a/ Trong trường hợp phải tiến hành đánh giá mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi đã được chứng nhận, hoạt động đánh giá sẽ được tiến hành như đánh giá chứng nhận lần đầu.
- b/ Ngoài ra, TTCL2 có thể thực hiện hoạt động đánh giá mở rộng/ thu hẹp phạm vi kết hợp trong cuộc đánh giá giám sát.

#### 6.3.7.4. Xem xét hồ sơ

Hồ sơ mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi chứng nhận được xem xét theo TT.29.

#### 6.3.7.5. Quyết định mở rộng, thu hẹp phạm vi chứng nhận và cấp lại chứng chỉ

6.3.7.6. Sau khi bộ phận chứng nhận xem xét hồ sơ đánh giá. Giám đốc Trung tâm Chất lượng vùng 2 sẽ ra quyết định mở rộng, thu hẹp phạm vi chứng nhận cho tổ chức,

6.3.7.7. Chứng chỉ cấp cho khách hàng sẽ ghi rõ phạm vi được chứng nhận mở rộng hay thu hẹp phạm vi.

### 6.3.8. Đánh giá đột xuất

6.3.8.1. TTCL2 tiến hành đánh giá đột xuất đối với hệ thống quản lý, điều kiện sản xuất của KH trong các trường hợp sau:

- a/ Điều tra các khiếu nại liên quan đến cơ sở đã được chứng nhận
- b/ Kiểm tra những thay đổi của cơ sở có thể ảnh hưởng đến hệ thống quản lý
- c/ Giám sát cơ sở bị đình chỉ giấy chứng nhận

6.3.8.2. Quá trình đánh giá đột xuất được thực hiện như đánh giá lần đầu, tuy nhiên trong đánh giá đột xuất cần xem xét các nội dung sau:



THỦ TỤC  
ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ,  
HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ  
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG  
TRỌT

Mã hiệu: TT.39  
Lần ban hành: 05  
Ngày ban hành: 02/05/2024  
Trang: 25/29

- a/ Yêu cầu quá trình đánh giá cần tập trung các nội dung liên quan đến lý do dẫn đến việc đánh giá đột xuất
- b/ Hành động khắc phục của cơ sở.

6.3.8.3. Cơ sở không được thay đổi thành phần đoàn đánh giá.

### **6.3.9. Đình chỉ chứng nhận:**

#### **6.3.9.1. Đình chỉ đối với trường hợp có hoạt động đánh giá tại cơ sở:**

- a/ Việc đình chỉ hiệu lực giấy chứng nhận khi có hoạt động đánh giá tại cơ sở trong các trường hợp sau đây:
  - a.1/ Sử dụng chứng chỉ hoặc logo của TTCL2 trái với quy định;
  - a.2/ Không duy trì hiệu lực của hệ thống quản lý, quy trình sản xuất..., vi phạm các quy định chứng nhận của TTCL2;
  - a.3/ Không thực hiện hành động khắc phục do đoàn đánh giá đưa ra.
- b/ Thời gian đình chỉ không quá 06 tháng.
- c/ Tổ kỹ thuật chịu trách nhiệm thẩm xét hồ sơ đánh giá theo TT.30; Bộ phận cấp chứng nhận, Phòng HC-TH chịu trách nhiệm soạn thảo quyết định đình chỉ hiệu lực giấy chứng nhận theo BM.TT.27.15 trình Lãnh đạo phê duyệt.

#### **6.3.9.2. Đình chỉ đối với trường hợp không có hoạt động đánh giá tại cơ sở:**

- a/ Việc đình chỉ hiệu lực giấy chứng nhận khi không có hoạt động đánh giá tại cơ sở trong các trường hợp sau đây:
  - a.1/ Không bố trí đánh giá giám sát định kỳ như đã thỏa thuận;
  - a.2/ Có khiếu nại nghiêm trọng từ cá nhân, tổ chức sử dụng sản phẩm dịch vụ của khách hàng;
  - a.3/ Tiêu chuẩn dùng để chứng nhận được sửa đổi hoặc thay thế sau 06 tháng kể từ ngày có hiệu lực
  - a.4/ Không trả đầy đủ chi phí dịch vụ chứng nhận theo thỏa thuận
  - a.5/ Cơ sở xin hoãn đánh giá giám sát 01 lần không có lý do phù hợp; từ chối đánh giá giám sát. Thời điểm đình chỉ là sau 1 tháng kể từ ngày Trung tâm ký văn bản thông báo.
- b/ Thời gian đình chỉ không quá 06 tháng.



<b>THỦ TỤC</b> <b>ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ,</b> <b>HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ</b> <b>LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG</b> <b>TRỌT</b>	Mã hiệu: TT.39
	Lần ban hành: 05
	Ngày ban hành: 02/05/2024
	Trang: 26/29


- c/ Trường hợp này Tổ kỹ thuật không thực hiện thẩm xét hồ sơ, phòng Chất lượng sẽ soạn thảo tờ trình đề nghị đình chỉ hiệu lực giấy chứng nhận theo biểu mẫu BM.TT.27.18, quyết định đình chỉ theo BM.TT.27.15 trình lãnh đạo phê duyệt.
- d/ Trong thời gian đình chỉ chứng nhận, Tổ chức bị đình chỉ không được phép sử dụng Giấy chứng nhận và các dấu hiệu chứng nhận trong thời gian đó.
- e/ Trước thời hạn kết thúc đình chỉ tạm thời hiệu lực giấy chứng nhận, TTCL2 sẽ xem xét và đánh giá hành động khắc phục với những điều không phù hợp của tổ chức bị đình chỉ chứng nhận và sẽ:
  - e.1/ Thông báo cho tổ chức việc kết thúc thời gian đình chỉ hoặc;
  - e.2/ Huỷ bỏ việc chứng nhận và thu hồi chứng chỉ chứng nhận nếu các điều kiện do TTCL2 đề ra không được thực hiện.

### **6.3.10. Hủy bỏ chứng nhận**

6.3.10.1. TTCL2 sẽ huỷ bỏ việc chứng nhận, thu hồi chứng chỉ chứng nhận và huỷ bỏ mọi thoả thuận về việc cho phép sử dụng biểu tượng chứng nhận trong các trường hợp sau:

- a/ Nếu Tổ chức được chứng nhận không thực hiện đầy đủ các biện pháp khắc phục trong các trường hợp đình chỉ chứng nhận;
- b/ Nếu trong quá trình đánh giá giám sát, phát hiện có sự không phù hợp mang tính chất nghiêm trọng với chuẩn mực và các qui định chứng nhận;
- c/ Khi tổ chức được chứng nhận không muốn được tiếp tục duy trì việc chứng nhận;
- d/ Khi tổ chức ngừng sản xuất kinh doanh quá 12 tháng;
- e/ Khi tổ chức được chứng nhận không thể đáp ứng các qui định của hệ thống chứng nhận này, hoặc theo sự thỏa thuận giữa TTCL2 với tổ chức được chứng nhận;
- f/ Tổ chức được chứng nhận không thực hiện các cam kết về tài chính với TTCL2.

6.3.10.2. Với tổ chức bị huỷ bỏ hiệu lực chứng nhận, TTCL2 sẽ gửi quyết định huỷ bỏ hiệu lực chứng nhận và thu hồi chứng chỉ chứng nhận. Đồng thời sẽ thông báo quyết định này cho các tổ chức, cá nhân có liên quan.

	THỦ TỤC	Mã hiệu: TT.39
	ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ, HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG TRỌT	Lần ban hành: 05
		Ngày ban hành: 02/05/2024
		Trang: 27/29

6.3.10.3. Khi giấy chứng nhận bị hủy bỏ Tổ chức phải:

- a/ Ngừng sử dụng dấu hiệu chứng nhận ngay;
- b/ Ngừng mọi hình thức quảng cáo cho giấy chứng nhận ghi trên quyết định hủy bỏ;
- c/ Hoàn trả lại cho TTCL2 giấy chứng nhận.

6.3.10.4. Bộ phận cấp chứng nhận chịu trách nhiệm soạn thảo quyết định hủy bỏ hiệu lực giấy chứng nhận theo BM.TT.27.16 trình Lãnh đạo phê duyệt và gửi thông báo quyết định này cho KH.

6.3.10.5. TTCL2 thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc thu hồi giấy chứng nhận và quyền sử dụng dấu hiệu phù hợp.

### **6.3.11. Chứng nhận lại**

Chứng nhận lại được tiến hành theo toàn bộ quy trình này trong các trường hợp sau đây:

- 6.3.11.1. Hết hạn hiệu lực của giấy chứng nhận
- 6.3.11.2. Chuẩn mực chứng nhận có thay đổi hoặc thay thế
- 6.3.11.3. Có những thay đổi lớn trong hệ thống tài liệu của Tổ chức được chứng nhận
- 6.3.11.4. Đánh giá chứng nhận lại được thực hiện 2 năm (chứng nhận hữu cơ), 3 năm (chứng nhận VietGAP) một lần. Các yêu cầu đối với việc đánh giá chứng nhận lại về cơ bản giống như đánh giá chứng nhận ban đầu.

### **6.3.12. Chứng nhận chuyển đổi**


- 6.3.12.1. Chứng nhận chuyển đổi được thực hiện khi tiêu chuẩn chứng nhận có thay đổi hoặc thay thế.
- 6.3.12.2. Trình tự các bước thực hiện tương tự như đánh giá chứng nhận lần đầu. Tuy nhiên, trước khi ra quyết định cấp giấy chứng nhận thì phải ra quyết định hủy bỏ hiệu lực và thu hồi giấy chứng nhận đã cấp theo tiêu chuẩn cũ.

### **6.3.13. Trách nhiệm và quyền của KH đăng ký chứng nhận**

Theo Quy định về điều kiện chứng nhận hệ thống quản lý và Quy định về điều kiện chứng nhận sản phẩm.

### **6.3.14. Bảo mật**

TTCL2 có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin kinh tế, kỹ thuật... có liên quan đến KH đăng ký chứng nhận. Các thành viên tham gia vào quá trình đánh giá và

	THỦ TỤC	Mã hiệu: TT.39
	ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ, HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG TRỌT	Lần ban hành: 05
		Ngày ban hành: 02/05/2024
		Trang: 28/29

lưu trữ hồ sơ của TTCL2 đều phải thực hiện bảo mật các thông tin của doanh nghiệp theo quy định QĐ.TT.16.01 Quy định về tiêu chuẩn và quản lý chuyên gia.

#### 6.4.15. Khiếu nại


KH muốn khiếu nại về công tác đánh giá và chứng nhận sản phẩm hữu cơ, VietGAP có thể gửi đơn khiếu nại cho TTCL2. Trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại được thực hiện thủ tục giải quyết khiếu nại, phân nân - TT.08.

### 7. TÀI LIỆU

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu
1	Giấy đăng ký chứng nhận sản xuất hữu cơ	BM.TT.39.01
2	Bảng kết quả đánh giá VietGAP trồng trọt	BM.TT.39.02
3	Báo cáo đánh giá VietGAP	BM.TT.39.03
4	Bảng đánh giá hệ thống quản lý	BM.TT.39.04
5	Báo cáo đánh giá sản xuất hữu cơ	BM.TT.39.05
6	Bảng kết quả đánh giá gạo hữu cơ	BM.TT.39.06/a
7	Bảng kết quả đánh giá chè hữu cơ	BM.TT.39.06/b
8	Bảng kết quả đánh giá sản phẩm trồng trọt hữu cơ khác	BM.TT.39.06/c
9	Bảng kết quả đánh giá nấm hữu cơ	BM.TT.39.06/d
10	Bảng kết quả đánh giá rau mầm hữu cơ	BM.TT.39.06/e
11	Bảng kết quả đánh giá sản phẩm trồng trọt hữu cơ trong nhà màng và trong thùng chứa	BM.TT.39.06/f
12	Quyết định cấp chứng nhận giai đoạn chứng nhận hữu cơ	BM.TT.39.07

### 8. HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Mã hiệu	Nơi lưu	Thời gian lưu
1	Giấy đăng ký chứng nhận sản xuất hữu cơ	BM.TT.39.01	Phòng HC-TH	3 năm + hồ sơ

	<b>THỦ TỤC</b> <b>ĐÁNH GIÁ, CẤP, DUY TRÌ, MỞ RỘNG, ĐÌNH CHỈ,</b> <b>HỦY BỎ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM HỮU CƠ</b> <b>LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ VietGAP TRỒNG</b> <b>TRỌT</b>	Mã hiệu: TT.39
		Lần ban hành: 05
		Ngày ban hành: 02/05/2024
		Trang: 29/29

<b>STT</b>	<b>Tên hồ sơ</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Nơi lưu</b>	<b>Thời gian lưu</b>
2	Bảng kết quả đánh giá VietGAP trồng trọt	BM.TT.39.02		chu kỳ chứng nhận trước.
3	Báo cáo đánh giá VietGAP	BM.TT.39.03		
4	Bảng đánh giá hệ thống quản lý	BM.TT.39.04		
5	Báo cáo đánh giá sản xuất hữu cơ	BM.TT.39.05		
6	Bảng kết quả đánh giá gạo hữu cơ	BM.TT.39.06/a		
7	Bảng kết quả đánh giá chè hữu cơ	BM.TT.39.06/b		
8	Bảng kết quả đánh giá sản phẩm trồng trọt hữu cơ khác	BM.TT.39.06/c		
9	Bảng kết quả đánh giá nấm hữu cơ	BM.TT.39.06/d		
10	Bảng kết quả đánh giá rau mầm hữu cơ	BM.TT.39.06/e		
11	Bảng kết quả đánh giá sản phẩm trồng trọt hữu cơ trong nhà màng và trong thùng chứa	BM.TT.39.06/f		
12	Quyết định cấp chứng nhận giai đoạn chứng nhận hữu cơ	BM.TT.39.07		
13	Lưu đồ quá trình đăng ký chứng nhận	PL.TT.39.01		
14	Hướng dẫn địa điểm lấy mẫu	PL.TT.39.02		